

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2024

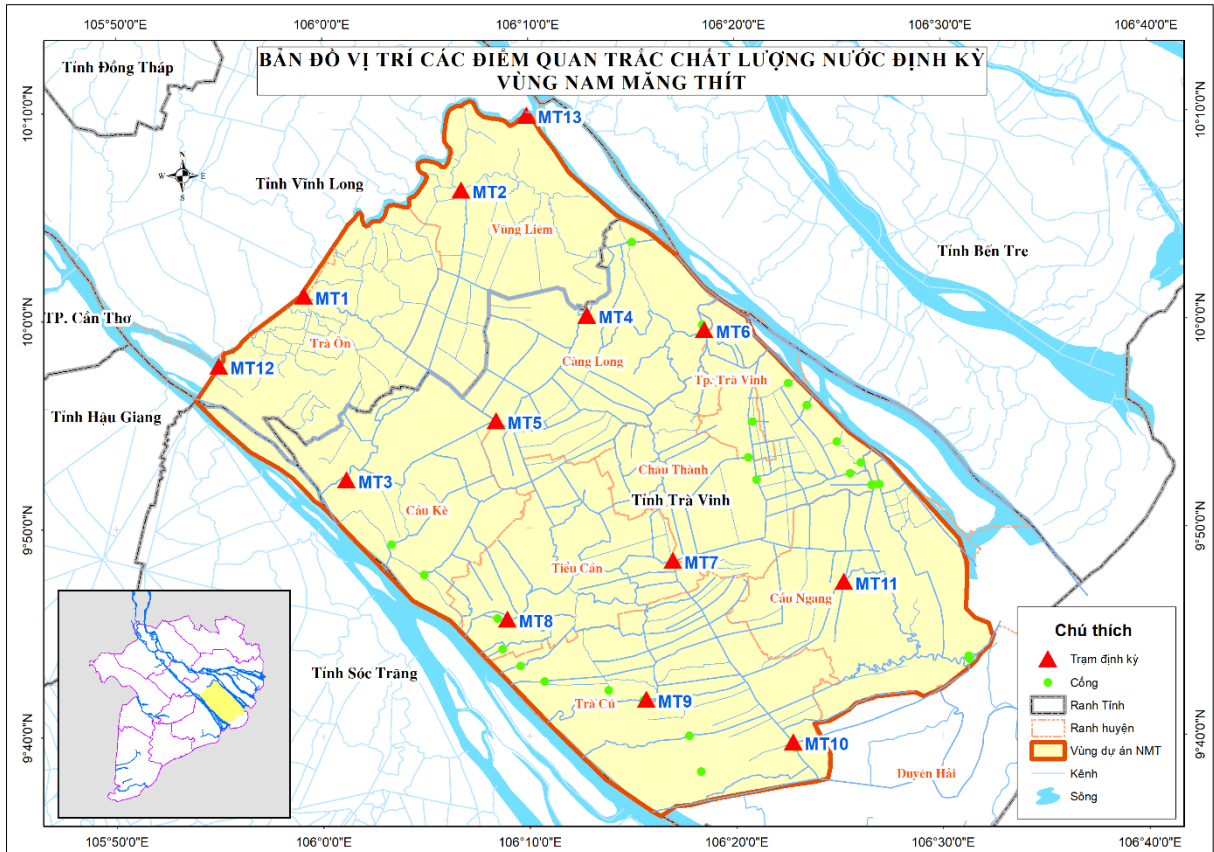
Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024

BẢN TIN TUẦN 02

Dự báo từ 16/02 đến 22/02/2024

I. Vị trí dự báo

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm dự báo được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

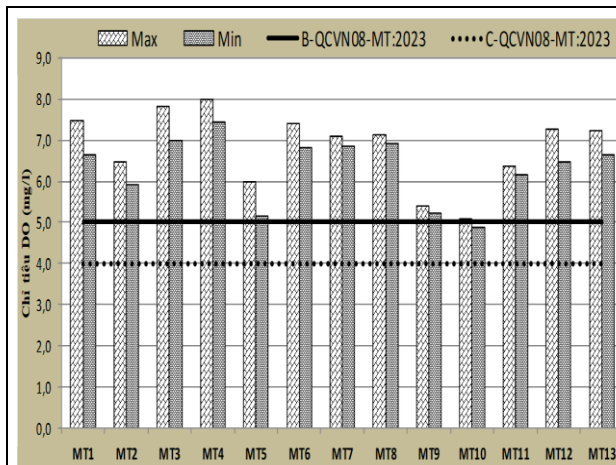
Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Xã	Huyện	Tỉnh
			X	Y			
1	MT1	Đầu sông Trà Ngoa	607.966	1.107.801	Trà Côn	Trà Ôn	Vĩnh Long
2	MT2	Kênh Bung Trường, Công Bàu Xếp	621.886	1.117.202	Hiếu Phụng	Vũng Liêm	Vĩnh Long
3	MT3	Đầu kênh Bông Bót	611.764	1.091.528	An Phú Tân	Cầu Kè	Trà Vinh
4	MT4	Kênh Mây Túc – Ngã Hậu	633.059	1.106.117	Càng Long	Càng Long	Trà Vinh
5	MT5	Kênh Trà Ngoa	625.008	1.096.756	Thanh Phú	Cầu Kè	Trà Vinh
6	MT6	Công Láng Thê	643.446	1.104.839	Đại Phước	Càng Long	Trà Vinh
7	MT7	Rạch Cần Chông	640.652	1.084.401	Ngãi Hùng	Tiểu Cần	Trà Vinh
8	MT8	Cổng Cần Chông	625.998	1.079.177	Tân Hòa	Tiểu Cần	Trà Vinh
9	MT9	Cổng Trà Cú	638.320	1.072.074	Trà Cú	Trà Cú	Trà Vinh
10	MT10	Cổng La Bang	651.316	1.068.315	Đôn Châu	Duyên Hải	Trà Vinh
11	MT11	Kênh Ba So	655.796	1.082.521	Hiệp Hòa	Cầu Ngang	Trà Vinh
12	MT12	Sông Măng Thít	600.450	1.101.604	Trà Ôn	Trà Ôn	Vĩnh Long
13	MT13	Sông Măng Thít	627.688	1.123.852	Quới An	Vũng Liêm	Vĩnh Long

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 16/02/2024 đến ngày 22/02/2024

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 16/02/2024 đến ngày 22/02/2024 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

1. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

Dự báo giá trị biến động của chỉ tiêu DO nhỏ nhất trong 7 ngày tới biến đổi từ 4,9 mg/l đến 8,0 mg/l.

Các vị trí ở phía đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, MT13 gần các sông Măng Thít, sông Hậu và sông Cỏ Chiên nên giá trị DO đều cao.

Các vị trí giáp nước, cuối nguồn và các vị trí sau cống như các điểm MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11 có giá trị DO thấp hơn do nước ít được luân chuyển.

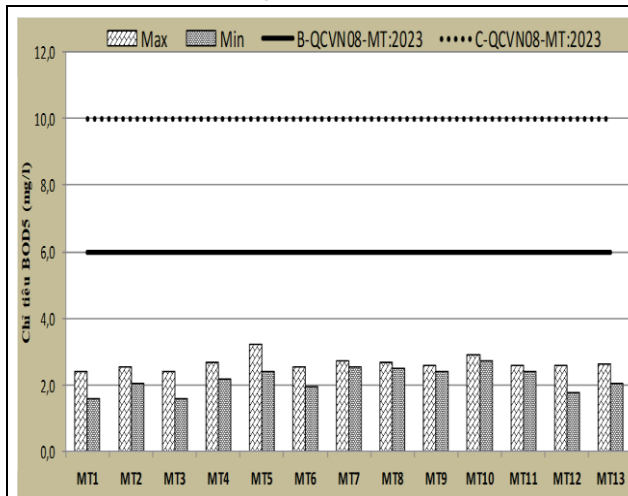
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị dự báo đều đạt mức B. Chỉ tiêu chất lượng nước DO đảm bảo tốt cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 2. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 16-22/02/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	16/02	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02
1	MT1	6,65	7,08	7,33	7,46	7,34	6,98	6,80
2	MT2	5,90	6,24	6,41	6,47	6,33	6,19	6,05
3	MT3	7,00	7,43	7,68	7,81	7,70	7,34	7,16
4	MT4	7,43	7,75	7,92	7,98	7,86	7,71	7,57
5	MT5	5,17	5,58	5,84	5,98	5,88	5,52	5,36
6	MT6	6,80	7,14	7,32	7,38	7,25	7,11	6,96
7	MT7	6,89	6,86	7,00	7,07	7,11	7,07	6,99
8	MT8	6,93	6,91	7,02	7,07	7,11	7,07	7,01
9	MT9	5,23	5,21	5,32	5,37	5,41	5,37	5,31
10	MT10	4,91	4,89	5,00	5,05	5,09	5,05	4,99
11	MT11	6,19	6,17	6,28	6,33	6,37	6,33	6,27
12	MT12	6,46	6,89	7,14	7,27	7,16	6,80	6,62
13	MT13	6,65	6,99	7,17	7,23	7,10	6,96	6,81

2. Chỉ tiêu BOD₅

Hình 3. Giá trị BOD₅ dự báo

Dự báo BOD₅ lớn nhất trong 7 ngày tới biến đổi từ 1,6 mg/l đến 3,2 mg/l.

Đối với các vị trí đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13 do gần các sông lớn, không bị ứ đọng và luân chuyển dòng chảy nên giá trị BOD₅ đều thấp.

Ngược lại, với các vị trí giáp nước, nội đồng hay trong cống, nước ít được luân chuyển, các công thường đóng để ngăn mặn nên gây ứ đọng nước hay tích tụ chất thải dẫn đến cần nhiều oxy để oxy hóa các chất hữu cơ làm cho giá trị BOD₅ tăng cao.

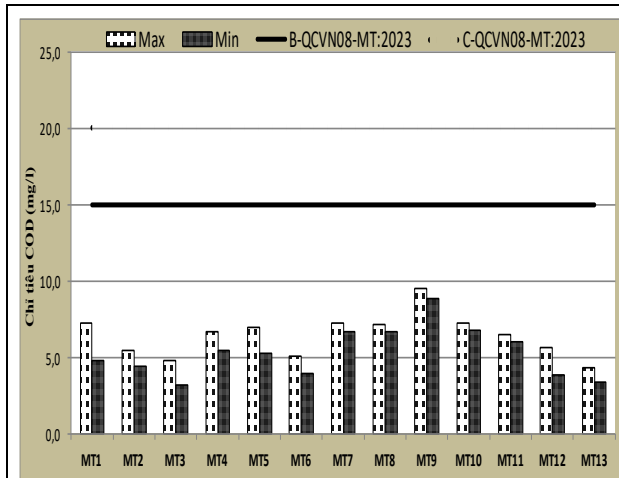
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị BOD₅ dự báo đều thấp và dưới ngưỡng B. Nhìn chung, chỉ tiêu chất lượng nước BOD₅ đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số BOD₅ các trạm từ ngày 16-22/02/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	16/02	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02
1	MT1	2,41	1,97	1,73	1,60	1,70	2,06	2,24
2	MT2	2,54	2,22	2,09	2,06	2,22	2,35	2,46
3	MT3	2,40	1,97	1,72	1,59	1,70	2,06	2,24
4	MT4	2,68	2,39	2,24	2,18	2,32	2,47	2,60
5	MT5	3,23	2,92	2,58	2,43	2,43	2,78	2,78
6	MT6	2,54	2,20	2,03	1,97	2,10	2,24	2,39
7	MT7	2,69	2,71	2,59	2,55	2,53	2,54	2,63
8	MT8	2,66	2,68	2,58	2,53	2,50	2,54	2,60
9	MT9	2,57	2,60	2,49	2,44	2,41	2,45	2,52
10	MT10	2,89	2,92	2,81	2,77	2,73	2,78	2,84
11	MT11	2,56	2,58	2,48	2,44	2,40	2,45	2,51
12	MT12	2,60	2,17	1,92	1,79	1,90	2,26	2,44
13	MT13	2,61	2,27	2,09	2,03	2,16	2,30	2,45

3. Chỉ tiêu COD



Hình 4. Giá trị COD dự báo

Chỉ tiêu COD có xu thế khá tương đồng với BOD₅. Giá trị COD lớn nhất dự báo trong 7 ngày tới biến đổi từ 3,2 mg/l đến 9,5 mg/l.

So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị đều dưới ngưỡng mức B. Chỉ tiêu chất lượng nước COD đảm bảo tốt phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

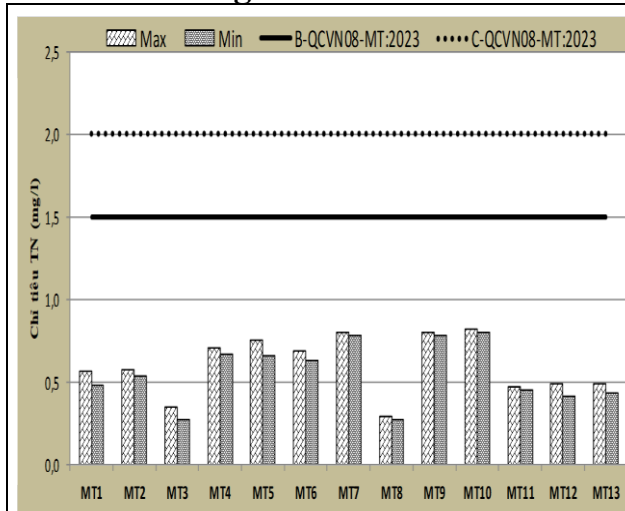
Bảng 4. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 16-22/02/2024

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	16/02	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02
1	MT1	7,24	5,91	5,20	4,81	5,10	6,18	6,72
2	MT2	5,51	4,82	4,52	4,46	4,82	5,10	5,33
3	MT3	4,80	3,94	3,44	3,18	3,40	4,12	4,48
4	MT4	6,70	5,97	5,60	5,45	5,80	6,17	6,50
5	MT5	6,99	6,32	5,60	5,27	5,27	6,02	6,02

TT	Trạm	16/02	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02
6	MT6	5,07	4,40	4,05	3,93	4,19	4,48	4,78
7	MT7	7,16	7,23	6,92	6,81	6,74	6,78	7,02
8	MT8	7,10	7,16	6,88	6,75	6,66	6,77	6,93
9	MT9	9,42	9,52	9,14	8,95	8,83	9,00	9,24
10	MT10	7,23	7,30	7,04	6,93	6,83	6,94	7,11
11	MT11	6,40	6,46	6,20	6,09	6,01	6,12	6,27
12	MT12	5,63	4,70	4,16	3,88	4,12	4,90	5,29
13	MT13	4,36	3,79	3,49	3,39	3,61	3,84	4,09

4. Chỉ tiêu tổng Nitơ - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

Giá trị TN lớn nhất dự báo trong 7 ngày tới biến đổi từ 0,27 mg/l đến 0,82 mg/l. Đối với các vị trí đầu nguồn, gần sông lớn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13, giá trị TN thường thấp do nước luôn được luân chuyển.

Với các vị trí giáp nước, nội đồng và trong công như MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11, giá trị TN thường cao do nước ít được luân chuyển, công thường xuyên đóng ngăn mẫn gây ứ đọng, tích tụ chất thải.

So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị tại vị trí nguồn cấp đều thấp dưới mức B, các vị trí nội đồng và trong công cao hơn và dưới mức B, cần chú ý theo dõi vị trí MT7 do xấp xỉ ngưỡng B để có các giải pháp xử lý phù hợp.

Chỉ tiêu chất lượng nước TN đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 16-22/02/2024

TT	Trạm	16/02	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02
1	MT1	0,57	0,52	0,50	0,49	0,49	0,53	0,55
2	MT2	0,57	0,54	0,53	0,54	0,55	0,57	0,57
3	MT3	0,35	0,31	0,29	0,27	0,28	0,32	0,34
4	MT4	0,71	0,69	0,68	0,67	0,68	0,70	0,71
5	MT5	0,76	0,74	0,70	0,68	0,66	0,70	0,67
6	MT6	0,69	0,66	0,64	0,63	0,65	0,66	0,68

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	16/02	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	22/02
7	MT7	0,80	0,80	0,80	0,79	0,79	0,79	0,80
8	MT8	0,30	0,30	0,29	0,28	0,28	0,28	0,29
9	MT9	0,80	0,80	0,79	0,78	0,78	0,79	0,79
10	MT10	0,82	0,82	0,81	0,80	0,80	0,81	0,81
11	MT11	0,47	0,48	0,47	0,46	0,46	0,46	0,47
12	MT12	0,49	0,45	0,43	0,41	0,42	0,46	0,48
13	MT13	0,50	0,46	0,44	0,44	0,45	0,47	0,48

III. Kết luận, kiến nghị

Theo kết quả dự báo các chỉ số chất lượng nước, gồm DO, BOD₅, COD, TN, tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi NMT, chất lượng nguồn nước trong hệ thống từ 16/02 đến 22/02/2024 vẫn đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất nông nghiệp (so với bảng 2, chất lượng nước loại B của QCVN 08:2023/BTNMT).

Theo dự báo nguồn nước của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, xâm nhập mặn vùng cửa sông dự báo sẽ tăng dần trong tháng 2, ranh mặn 4 g/l vào sâu 56 – 60 km, kiến nghị các địa phương cần chủ động giám sát mặn chặt chẽ nhằm vận hành công trình tranh thủ lấy nước ngọt khi độ mặn nhỏ hơn 1 g/l, đồng thời pha loãng đảm bảo chất lượng nước cho sản xuất.

Khuyến cáo địa phương thường xuyên theo dõi các thông tin dự báo về nguồn nước, xâm nhập mặn, chất lượng nước liên quan đến HTTL Nam Măng Thít để có các biện pháp ứng phó kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Cục Thủy lợi (để b/c);
- Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Chi cục Thủy lợi, Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện/TP tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

KT.VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phạm Văn Mạnh